TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 97/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 28/6/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Ông Phan Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên

Trong các ngày 14 và 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2017/TLPT-HNGĐ ngày 04/12/2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2018/QĐPT ngày 27 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2018/QĐPT ngày 14 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1956; cư trú tại: Thôn An Hạ, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959; cư trú tại: Thôn An Hạ, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ: Luật sư Hoàng Ngọc Hiển – Văn phòng Luật sư Đông Hà – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Anh Hoàng Văn Dương, sinh năm 1992;
- Anh Hoàng Văn Song, sinh năm 1994;
- Anh Hoàng Văn Chủ, sinh năm 1979;
- Chị Hoàng Thị Anh, sinh năm 1982;
- Chị Hoàng Thị Thùy, sinh năm 1985;
- Anh Cấn Đình Lợi, sinh năm 1982;
- Ông Hoàng Văn Thịnh, sinh năm 1962;
- Bà Nguyễn Thị Đoán, sinh năm 1961;
- Anh Hoàng Văn Lợi, sinh năm 1983;
- Chị Hoàng Thị Phương, sinh năm 1981

Cùng cư trú tại: Xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

- Hợp tác xã Điện năng An Thượng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Danh Huyên – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

- Cụ Nguyễn Thị Đặng, sinh năm 1937 (người khiếu nại); cư trú tại: Xóm Ngò, thôn An Hạ, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn và lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn – ông Hoàng Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Đ kết hôn năm 1978 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn, trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng về quan điểm nên thường xuyên va chạm với nhau. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2014 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin được ly hôn bài Đ.

-Về con chung: Ông bà có 05 người con chung gồm: Anh Hoàng Văn Chủ, sinh năm 1979, chị Hoàng Thị Thuỳ, sinh năm 1985, chị Hoàng Thị Anh sinh năm 1982, anh Hoàng Văn Dương, sinh năm 1992, anh Hoàng Văn Song sinh năm 1994. Hiện nay các anh chị đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung: Vợ chồng ông được bố mẹ ông cho 02 mảnh đất thổ cư, cụ thể: Thửa số 150, tờ bản đồ số 03 diện tích 142m^2 và Thửa số 150/1, tờ bản đồ số 03 diện tích 124m^2. Cả 02 thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông và bài Đ.

Ngoài ra vợ chồng ông còn mua được Thửa đất số 198, diện tích 52,5m^2 tờ bản đồ số 041 của ông Tịnh. Hiện đó được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bài Đ.

Các thửa đất thổ cư nêu trên đều ở thôn An Hạ, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Nay ly hôn ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Về đất nông nghiệp: Gia đình ông được cấp tổng số 2.733m^2 đất nông nghiệp và chia làm 13 thửa, cấp cho 6 khẩu cụ thể: ông, bài Đ, anh Chủ, anh Dương, chị Anh và chị Thuỳ, mỗi khẩu được cấp 455,5m^2, cụ thể:

Thửa số 114, tờ bản đồ số 25, diện tích 196m^2 tại cánh đồng Soi Trên.

Thửa số 127, tờ bản đồ số 22, diện tích 148m^2 tại cánh đồng Soi Dưới.

Thửa số 89, tờ bản đồ số 13, diện tích 267m^2 tại cánh đồng Trệ.

Thửa số 45, tờ bản đồ số 04, diện tích 190m^2 tại cánh đồng Đống Dứa.

Thửa số 13, tờ bản đồ số 03, diện tích 309m^2 tại cánh đồng Đống Nông.

Thửa số 18, tờ bản đồ số 10, diện tích 131m^2 tại cánh đồng Trổ.

Thửa số 53, tờ bản đồ số 08, diện tích 59m^2 tại cánh đồng Chân đê.

Thửa số 61/1, tờ bản đồ số 21, diện tích 209m^2 tại cánh đồng Đầm.

Thửa số 112, tờ bản đồ số 17, diện tích 428m^2 tại cánh đồng Mã Lau Con.

Thửa số 227, tờ bản đồ số 18, diện tích 132m^2 tại cánh đồng Mã Lau Con.

Thửa số 48, tờ bản đồ số 01, diện tích 226m^2 tại cánh đồng Dộc.

Thửa số 26, tờ bản đồ số 06, diện tích 254m^2 tại cánh đồng Thuệ.

Thửa số 99/1, tờ bản đồ số 14, diện tích 144m^2 tại cánh đồng Giữa Đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T xác nhận các thửa đất nông nghiệp nêu trên đều đã được ông bà phân chia cho các con nên nay xin rút yêu cầu phân chia đất nông nghiệp.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về thời gian điều kiện kết hôn bà xác nhận đúng như ông T đã khai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do ông T chơi bời quan hệ với người phụ nữ khác có con riêng nên ông T về nhà hắt hủi và đánh đập bà và các con. Khi ông T có hành vi bạo lực gia đình bà đã báo chính quyền địa phương giải quyết. Năm 2015 bà và ông T sống ly thân cho đến nay. Nay ông T xin ly hôn bà nhận thấy tình cảm giữa bà và ông T vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông T có 5 con chung gồm: Anh Hoàng Văn Chủ, sinh năm 1979, chị Hoàng Thị Thuỳ, sinh năm 1985, chị Hoàng Thị Anh sinh năm 1982, anh Hoàng Văn Dương, sinh năm 1992, anh Hoàng Văn Song sinh năm 1994. Hiện nay các anh chị đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Vợ chồng được bố mẹ chồng cho 02 mảnh đất thổ cư, cụ thể: Thửa số 150, tờ bản đồ số 03 diện tích 142m^2 và thửa số 150/1, tờ bản đồ số 03 diện tích 124m^2. Cả hai thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T và bà.

Ngoài ra, bà còn mua được thửa đất số 198, diện tích 52,5m^2 tờ bản đồ số 041 của ông Tịnh. Hiện đó được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà. Tiền mua thửa đất này là của riêng bà không liên quan gì đến ông T.

Các thửa đất thổ cư nêu trên đều ở thôn An Hạ, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Vì bà không đồng ý ly hôn nên bà không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung.

Nếu phải ly hôn bà đề nghị 3 thửa đất thổ cư chia cho 3 con trai là anh Chủ sử dụng thửa đất có diện tích 142m^2, anh Song sử dụng thửa có diện tích 124m^2, anh Dương sử dụng thửa đất có diện tích 52,5m^2.

- Về đất nông nghiệp: Gia đình ông bà được cấp tổng số 2,733m^2 đất nông nghiệp và chia làm 13 thửa cấp cho 6 khẩu, cụ thể: ông T, bà, anh Chủ, anh Dương, chị Anh và chị Thuỳ mỗi khẩu được cấp 455,5m^2, cụ thể:

Thửa số 114, tờ bản đồ số 25, diện tích 196m^2 tại cánh đồng Soi trên.

Thửa số 127, tờ bản đồ số 22, diện tích 148m^2 tại cánh đồng Soi dưới.

Thửa số 89, tờ bản đồ số 13, diện tích 267m^2 tại cánh đồng Trệ.

Thửa số 45, tờ bản đồ số 04, diện tích 190m^2 tại cánh đồng Đống Dứa.

Thửa số 13, tờ bản đồ số 03, diện tích 309m^2 tại cánh đồng Đống Nông.

Thửa số 18, tờ bản đồ số 10, diện tích 131m^2 tại cánh đồng Trổ.

Thửa số 53, tờ bản đồ số 08, diện tích 59m^2 tại cánh đồng Chân đê.

Thửa số 61/1, tờ bản đồ số 21, diện tích 209m^2 tại cánh đồng Đầm.

Thửa số 112, tờ bản đồ số 17, diện tích 428m^2 tại cánh đồng Mã Lau Con.

Thửa số 227, tờ bản đồ số 18, diện tích 132m^2 tại cánh đồng Mã Lau Con.

Thửa số 48, tờ bản đồ số 01, diện tích 226m^2 tại cánh đồng Dộc.

Thửa số 26, tờ bản đồ số 06, diện tích 254m^2 tại cánh đồng Thuệ.

Thửa số 99/1, tờ bản đồ số 14, diện tích 144m^2 tại cánh đồng giữa đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà xác nhận các thửa đất nông nghiệp nêu trên ông T và bà đã thỏa thuận phân chia cho các con, giấy tờ bà còn lưu giữ. Nay ông T không yêu cầu chia đất nông nghiệp, bà cũng nhất trí và không có ý kiến gì khác.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Chị Hoàng Thị Anh:

Chị là con gái của ông T bài Đ, chị thừa nhận bố mẹ chị sống không có hạnh phúc, nay bố chị xin ly hôn chị là con chị không đồng ý và tuỳ bố mẹ quyết định.

Về tài sản chung: Phần đất thổ cư và nhà cửa của bố mẹ, tuy nhiên chị đề nghị được thanh toán công sức đóng góp. Ngoài ra chị không co yêu cầu gì khác và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Hoàng Thị Thùy:

Chị là con gái của ông T bài Đ, chị thừa nhận bố mẹ chị sống không có hạnh phúc, nay bố chị xin ly hôn chị là con chị không đồng ý và tuỳ bố mẹ quyết định.

Về tài sản chung: Phần đất thổ cư và nhà cửa của bố mẹ, tuy nhiên chị đề nghị được thanh toán công sức đóng góp. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Hoàng Văn Chủ:

Anh là con trai của ông T bài Đ, anh thấy bố mẹ sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn quá lớn nay bố anh xin ly hôn anh là con anh không đồng ý, việc này tuỳ bố mẹ và đề nghị Toà án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung: Phần đất thổ cư và nhà cửa của bố mẹ, anh không có ý kiến gì. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Hoàng Văn Dương:

Anh là con trai của ông T bài Đ, anh thấy bố mẹ sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn quá lớn nay bố anh xin ly hôn anh không đồng ý, việc này tuỳ bố mẹ.

Bố mẹ anh có nhà đất là đất thổ cư anh không có ý kiến gì,, tuy nhiên anh đề nghị được thanh toán công sức đóng góp, nếu bố mẹ cho thửa đất thổ cư nào anh cũng nhận. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

5. Anh Hoàng Văn Song:

Anh là con trai của ông T bài Đ, anh thấy bố mẹ sống không có hạnh phúc, bố anh là người gia trưởng và thường xuyên đánh đập mẹ anh, bố anh có bồ và có con riêng ở ngoài. Nay bố anh xin ly hôn anh không đồng ý.

Về tài sản chung: Phần đất thổ cư và nhà cửa của bố mẹ, anh không có ý kiến gì. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

6. Ông Hoàng Văn Thịnh:

Ông với ông T có quan hệ họ hàng, năm 2003 gia đình ông và gia đình ông T có đổi đất nông nghiệp cho nhau. Vì các thửa đất gần nhau nên ông đồng ý đổi. Cụ thể: gia đình ông đổi thửa đất ở cánh đồng Đống Dứa diện tích 147m^2 để lấy 131m^2 đất nông nghiệp của hộ gia đình ông T ở cánh đồng Trổ. mặc dù diện tích có chênh lệch nhưng gia đình ông nhất trí và không có ý kiến gì. Khi đổi 2 bên chỉ viết giấy chưa làm thủ tục sang tên nhưng gia đình ông và gia đình ông T đã quản

lý sử dụng từ năm 2003 đến nay. Nay Tòa án giải quyết việc ông T xin ly hôn bài Đ, việc đổi đất ông cam kết tự giải quyết với ông T, bài Đ. Không có yêu cầu gì khác.

7. Ông Nguyễn Danh Huyên - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Hợp tác xã Điện Năng xã An Thượng:

Hợp tác xã điện năng xã An Thượng được thành lập tháng 4/2009, ông Hoàng Văn T là thành viên của hợp tác xã. Ông Hoàng Văn T được HTX giao nhiệm vụ chốt chỉ số công tơ, thu tiền điện của người dân xóm Giếng thôn An Hạ xã An Thượng.

Nay ông T xin ly hôn việc này là việc riêng của ông T, HTX không đề nghị giải quyết vấn đề gì có liên quan đến gia đình ông T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T, cho ông Hoàng Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị Đ.

2. Về con chung: Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Đ có 05 con chung là: Anh Hoàng Văn Chủ, sinh năm 1979, anh Hoàng Văn Dương sinh năm 1992, anh Hoàng Văn Song, sinh năm 1994, chị Hoàng Thị Anh sinh năm 1982, chị Hoàng Thị Thuỳ, sinh năm 1985 đã trưởng thành.

3.Về tài sản chung:

3.1. Giao ông Hoàng Văn T được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

Thửa đất số 150, Tờ bản đồ số 03, diện tích 142m^2 và Thửa đất số 150/1, Tờ bản đồ số 03, diện tích 124m^2 và các tài sản cú trên đất tại Thôn An Hạ, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội cú tổng giỏ trị 1.712.443.000đồng.

3.2. Giao bà Nguyễn Thị Đ được quyền sở hữu, sử dụng cỏc tài sản gồm:

Thửa đất số 198, Tờ bản đồ số 02, diện tích 55,1m^2 và các tài sản cú trên đất tại Thôn An Hạ, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội có tổng giá trị 669.350.000đ.

Việc phân chia đất có sơ đồ chi tiết kèm theo.

3.3. Ông Hoàng Văn T phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 435.924.000đ (Bốn trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.4. Đình chỉ yêu cầu của ông Hoàng Văn T về phân chia 13 thửa đất nông nghiệp.

3.5. Không chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn Dương, anh Hoàng Văn Song, chị Hoàng Thị Thùy, chị Hoàng Thị Anh về thanh toán công sức trong khối tài sản chung của ông T và bài Đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm; cụ Nguyễn Thị Đặng là mẹ đẻ của ông T có đơn khiếu nại về diện tích đất nguyên là của vợ chồng cụ nhưng ông T, bài Đ đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, nay tòa án coi đó là tài sản chung vợ chồng ông T, bài Đ để chia cho họ là không đúng; đề nghị trả lại đất đó cho cụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Văn T không rút đơn xin ly hôn đồng thời có đề nghị cụ Đặng rút khiếu nại về đất đai đối với tài sản của vợ chồng ông và đề nghị Tòa án giao một phần cho các con trai của ông bà và là cháu nội của cụ Đặng.Bài Đ không rút kháng cáo mà sẵn sàng bỏ qua việc ông T đi ngoại tình và trình bầy tha thiết được đoàn tụ để cùng chăm lo cho các con, cháu.Nếu phải ly hôn thì bà đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia tài chung cho công bằng.Sau khi phiên tòa phúc thẩm tạm dừng, bà đã chủ động nhăn tin qua điện thoại để hàn gắn tình cảm với ông T nhưng ông T không trả lời mà còn có lần đưa máy điện thoại để bà nói chuyện với bạn của ông T.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bài Đ trình bày: Bài Đ trước sau xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông T, cho dù ông T có như thế nào thì bà vẫn mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, bài Đ đã chủ động nhiều lần nhắn tin, gọi điện cho ông T nhưng ông T cố tình không nghe máy hoặc trả lời tinh nhắn.Tại phiên tòa ông T thừa nhận có quan hệ ngoại tình và nhiều lần đưa bạn gái về nhà ở đã gây mất trật tự tại địa phương phải nhờ chính quyền can thiệp.Tòa án cấp sơ thẩm cho ông T ly hôn là không có căn cứ và chưa bảo về quyền lợi cho người phụ nữ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn xin ly hôn của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của bài Đ làm trong hạn luật định, đã đóng tạm ứng đầy đủ là hợp lệ cần chấp nhận để xét.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Hoàng Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống các con của ông bà đều đã trưởng thành, đã có cháu nội. Bài Đ trước sau vẫn xác định còn tình cảm với ông T và tha thiết mong được đoàn tụ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thừa nhận ông có quan hệ ngoại tình như bài Đ và các con là anh Song, anh Dương trình bầy; ông T xác nhận bài Đ có gọi điện, nhắn tin cho ông với nội dung nói chuyện để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông không trả lời. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T. Về tài sản chung không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan, luật sư và Kiểm sát viên; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bài Đ nộp trong thời hạn, đã nộp tạm ứng đúng quy định nên được chấp nhận để xem xét.

[1.2] Đơn khiếu nại của cụ Nguyễn Thị Đặng, sinh năm 1937 làm và nộp theo quy định, nội dung đơn nêu có liên quan đến khối tài sản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết. Vì vậy cần được xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/6/2018 cụ Đặng có mặt tại phiên tòa; quá trình Hội đồng xét xử hòa giải thì cụ Đặng đề nghị được về bàn bạc trong gia đình để hòa giải đối với vẫn đề đất đai liên quan đến nội dung đơn khiếu nại của cụ. Ông T cũng đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho gia đình ông về thời gian hòa giải. Hội đồng xét xử đã tạm dừng phiên tòa và ấn định thời gian phiên tòa tiếp tục làm việc, tuy nhiên ngày 28/6/2018 cụ Đặng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt cụ Đặng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ:

[2.2] Việc kết hôn giữa ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị Đ tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.3] Sau kết hôn, ông T bài Đ chung sống được 30 năm thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Nguyên nhân được chính ông T thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm là ông có quan hệ ngoại tình với người khác và có chung sống tại nhà của gia đình nên dẫn đến xô xát mất trật tự đã phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhiều lần.

Hiện tại bài Đ đang sống tại căn nhà làm trên đất nông nghiệp để kinh doanh buôn bán, còn ông T vẫn sống trong căn nhà do vợ chồng xây dựng. Tuy mâu thuẫn do ông T đánh đuổi bài Đ nhưng bài Đ vẫn trước sau xác định tình cảm vợ chồng với ông T và mong muốn được đoàn tụ.Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông bà sống ly thân đã lâu và mâu thuẫn trầm trọng là chưa có cơ sở vững chắc.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bài Đ trình bầy sau khi phiên tòa tạm dừng, bà đã chủ động nhắn tin cho ông T với nội dung vẫn còn tình cảm với ông và tha thiết mong ông quay về đoàn tụ; bà gọi điện thoại nhiều lần nhưng ông T không nghe máy. Điều này được ông T xác định đúng, việc ông không trả lời tin nhắn là do ông đọc tin nhưng không hiểu nội dung tin nhắn nên ông không trả lời; điện thoại bài Đ gọi thì ông có đưa máy cho bạn của ông nghe và nói chuyện. Lý do này của ông T thể hiện ông không có thiện chí cũng như không tạo điệu kiện để hai bên cùng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Các con của ông bà có mặt tại phiên tòa cùng có lời xin lỗi ông T về việc có lần đã cư xử không đúng mực và mong muốn bố mẹ đoàn tụ nhưng không được ông T chấp nhận. Các con tha thiết mong Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho bố mẹ có thời gian để hàn gắn tình cảm.

[2.5] Xét thấy: Bà Nguyễn Thị Đ trước sau vẫn xác định còn tình cảm với ông T; luôn bỏ qua mọi khúc mắc để vợ chồng đoàn tụ cung nuôi dạy con, cháu. Đặc biệt có một con chung của ông bà hiện đang phải đi thi hành án phạt tù nhưng có một con nhỏ không có mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cụ Đặng xác nhận cụ là người thường xuyên phải chăm sóc cháu vì ông T, bài Đ là ông bà nội nhưng bỏ bê không nuôi cháu bé. Việc ông bà mâu thuẫn là do ông T có quan hệ ngoại

tình, đánh đuổi bài Đ, gây mâu thuẫn vợ chồng nên bà phải ra ở trong quán bán hàng làm trên đất nông nghiệp mà không dám về nhà; trong khi bài Đ vẫn tha thiết nhắn tin, gọi điện cho ông T để mong giữ gìn gia đình. Xét nguyên nhân ông T xin ly hôn nêu là mâu thuẫn vợ chồng nhưng chính ông thừa nhận là ông có quan hệ ngoại tình. Đây không phải là căn cứ cho ly hôn được quy định trong Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T để có thêm thời gian cho ông, bà có cơ hội cùng hàn gắn tình cảm, nuôi dạy bảo ban con cháu.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bài Đ, cần sửa bản án sơ thẩm.

[3] Do không chấp nhận đơn ly hôn của ông T nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, công nợ Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bài Đ phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 2 Điều 148, Điều 147 và Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Sửa bản án sơ thẩm số 22/2017/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội.

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn T xin ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Đ.

2. Về con chung, tài sản chung, nhà ở và công nợ: Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí:

- Ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông T đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Hà Nội, theo biên lai thu số AA/2010/09809 ngày 03/4/2017. Nay chuyển thành án phí.

- Hoàn trả bà Nguyễn Thị Đ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Hà Nội, theo biên lai thu số AA/2015/07645 ngày 04/10/2017

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hà Nội;
- Tòa án nhân dân H. Hoài Đức;
- Chi cục THA dân sự H.Hoài Đức;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

Nguyễn Vũ Đông